

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

## KHẢO SÁT CÁC CẤU TRÚC THÀNH NGỮ CÓ CHỨA CẶP TƯƠNG LIÊN "AS...AS" TRONG TIẾNG ANH VÀ CÁI TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG TIẾNG VIỆT

LƯU QUÝ KHƯƠNG  
(PGS, TS, ĐHNN, Đại học Đà Nẵng)

### 1. Đặt vấn đề

Thông thường các cấu trúc tiếng Anh chứa cặp tương liên "as ... as ..." là các cấu trúc biểu hiện ý nghĩa so sánh ngang bằng với nghĩa rất tường minh, ví dụ:

(1) *He tried to kick the dog away, but the dog was just as determined as he was and came back at him more savagely than before.*

[11: 108]

(Anh cố đá con chó bật ra, nhưng nó cũng quyết tâm như anh, quay lại xông vào hung dữ hơn trước).

Tuy nhiên, có một số câu mặc dù vẫn chứa "as ... as ..." nhưng lại không mang nghĩa so sánh (ví dụ 2) hoặc so sánh nhưng nghĩa lại không tường minh (ví dụ 3).

(2) *He walked John to the door and shook the boy's hand. "Good luck. Come here as soon as you get back next spring".*

[12: 66]

(Ông tiễn John ra cửa và bắt tay anh. "Chúc may mắn. Hãy đến đây ngay khi cháu quay về vào mùa xuân tới nhé".)

(3) *I smiled to myself and said, "But some people say that he is as good at judge of wine as you are".*

(Tôi cười thầm và nói: "Nhưng vài người nói rằng anh ấy sành rượu như anh vậy").

[12: 130]

Những câu như vậy có tính thành ngữ vì theo Hornby (2003: 643): *thành ngữ là "một nhóm từ có nghĩa khác với nghĩa của các từ riêng lẻ trong nhóm"*. Việc tìm hiểu về các cấu trúc này là rất cần thiết đối với người Việt Nam học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Dựa vào dữ liệu rút ra từ các tác phẩm văn học tiếng Anh được xuất bản dưới dạng song ngữ và khối liệu do Quirk [13] thiết lập, bài này khảo sát đặc trưng cú pháp-ngữ nghĩa của các cấu trúc thành ngữ chứa "as ... as ..." (CTTNC AS...AS) trong tiếng Anh và các cấu trúc tương đương trong tiếng Việt nhằm giúp người Việt học tiếng Anh sử dụng đúng loại cấu trúc này để nâng cao tính chính xác và tính hiệu quả trong giao tiếp tiếng Anh và dịch thuật.

### 2. Phân loại các cấu trúc thành ngữ chứa "as ... as ..." trong tiếng Anh

Như đã thấy ở các ví dụ trình bày trong phần mở đầu và theo Lưu Quý Khương [4], [5], [6], CTTNC AS...AS gồm có 2 loại là CTTNC AS...AS không mang nghĩa so sánh và CTTNC AS...AS có mang nghĩa so sánh.

2.1. Đặc trưng cú pháp-ngữ nghĩa của CTTNC AS...AS không mang nghĩa so sánh

#### 2.1.1. Cấu trúc "as ... as possible"

Ở cấu trúc này, bổ ngữ cho từ "as" thứ hai trong cặp tương liên "as ... as ..." là tính từ "possible" (có thể). Cấu trúc này có tương đương trong tiếng Việt là "càng a ...

càng tốt” và hàm chỉ sự phát triển động của một quá trình hành động hay tư duy, chứ không hề có ý nghĩa so sánh.

Ví dụ:

(4) *I put Ray Streaton in charge of Phil. I mean, just to keep him as loose as possible.* [14: 172]

(Tôi giao nhiệm vụ cho R. Streaton lo tiếp ông Phil. Cốt để ông cảm thấy càng tự nhiên càng tốt).

(5) *The truth is a thing I get rid of as soon as possible.* [15: 122]

(Sự thật là điều tôi muốn quên đi càng chóng càng tốt).

Có thể thay tính từ “possible” bằng một mệnh đề. Tuy nhiên, nghĩa sẽ thay đổi. Ví dụ:

(6) *Suddenly, he dropped the cloth, turned toward the shore and ran as fast as he could.*

[12: 204]

(Thình lình, ông thả rơi sợi dây vải, chạy thật nhanh về phía bờ biển.)

(7) *"Don't be scared of me", he said as calmly as he could.* [11: 88]

(“Đừng sợ”, anh nói hết sức bình tĩnh).

### 2.1.2. Cấu trúc “as long as ...”

Xét các câu sau đây:

(8) *I'll lend you my book as long as you keep it carefully.*

(Tôi sẽ cho bạn mượn cuốn sách của tôi với điều kiện là bạn giữ gìn cẩn thận).

“As long as” trong (58) không biểu hiện sự tương đương hay ngang bằng mà có vai trò như một liên từ phụ thuộc nêu lên một điều kiện: “với điều kiện là/miễn là...”. Xét tiếp các câu dưới đây:

(9) *He took no heed of the course he pursued, so long as that course led him through the swale bottoms.*

[11: 22]

(Anh chẳng hề chú ý đến con đường đang đi, chừng nào nó vẫn dẫn anh qua các đầm lầy).

(10) *As long as Trevor didn't traffic in weapons or drugs, Link wouldn't get involved.*

(Miễn là Trevor đừng buôn lậu vũ khí hay ma túy, Link sẽ chẳng có gì phải bận tâm).

Tóm lại, tùy theo ngữ cảnh cụm từ “as long as” hoặc “so long as” trong câu phủ định có cái tương ứng trong tiếng Việt là “miễn là”, “với điều kiện là”, “chừng nào mà”.

### 2.1.3. Cấu trúc “as far as ...”

Xét các câu sau đây:

(11) *It was rather a pity because as far as I can see all his family were very gifted.*

[12: 58]

(Hơi tiếc bởi vì theo tôi được biết thì cả gia đình ấy đều rất có tài).

(12) *The rise in interest rates will be disastrous as far as small firms are concerned.*

[10: 595]

(Việc nâng lãi suất sẽ có hại đối với các hãng nhỏ).

(13) *This was not standard procedure as far as I concern, being rather impulsive, impatient and quick to action.* [14: 80]

(Về phía tôi mà nói, đó không phải là nếp sống thông thường vì tôi là người tính tình có phần bốc đồng, nóng vội).

“As far as ...” dẫn đầu mệnh đề phụ tạo ra một cái nền trên đó sự tình xảy ra ở mệnh đề chính được đề cập đến. Cụm từ này thường được dùng trong mệnh đề có các động từ chỉ nhận thức như “see” (hiểu), “know” (biết), “judge” (phán đoán), “concern” hoặc “be concerned” (có liên quan). Toàn mệnh đề phụ dẫn đầu bởi “As far as ...” có cái tương đương trong tiếng

Việt là “Theo (đối với ai) điều gì ...”, “Về phía (ai, người nào) mà nói...”

#### 2.1.4. Cấu trúc “as soon as”

Xét các câu dưới đây:

(14) *He shouted as soon as he saw us.*

(Ông ta hét lên ngay khi thấy chúng tôi).

(15) *As soon as I had sprinkled the powder on the refuse, I ran back into the house.*

[12: 85]

(Vừa rắc bột vào đồng thức ăn thừa xong, tôi liền chạy vào nhà).

(16) *As soon as she entered her apartment she put the chocolates on a plate with the cookies.*

[12: 140]

(Ngay khi bước vào nhà, bà để sô cô la và những cái bánh lên đĩa).

“As soon as” hoạt động như một liên từ dẫn đầu mệnh đề phụ và có tương đương trong tiếng Việt là “khi”, “vừa”, “ngay”, “ngay khi”.

#### 2.1. Cấu trúc “as well as ...”

Lại xét tiếp các câu sau:

(17) *Air as well as water is needed to make plants grow.*

[2: 381]

(Không khí cũng như nước cần thiết để làm cho cây tăng trưởng).

(18) *The book is interesting as well as useful.*

[2: 381]

(Cuốn sách hay và hữu ích).

“As well as” có yếu tố tương đương trong tiếng Việt là “cũng như” hoặc “và”, có thể xuất hiện ở nhiều vị trí khác nhau trong câu thay cho từ “and”.

Theo quan sát từ dữ liệu đã thu thập, có thể thấy CTTNC AS...AS không mang nghĩa so sánh ngang bằng trong tiếng Anh có các cấu trúc tổng quát như sau:

- “as + tính từ/ trạng từ + as...”

- “as + tính từ/ trạng từ + as + possible”

- “as + tính từ/ trạng từ + as + cụm danh từ + concern ...”

- “as + tính từ/ trạng từ + as + cụm danh từ + be concerned ...”

- “as ... as... + cụm động từ/ can (could)”

2.2. Đặc trưng cú pháp-ngữ nghĩa của CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh

Trong nhiều trường hợp, cặp tương liên “as ... as ...” kết hợp với yếu tố chêm xen tạo ra CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh. Ví dụ:

(18) *White - collar workers and factory hands live in adjoining blocks of houses built on the same pattern and as like as two peas.*

[1, 305]

(Những người làm việc văn phòng và các công nhân nhà máy sống trong những ngôi nhà kề nhau được xây dựng cùng kiểu và rất giống nhau.)

(19) *This dress is as old as the hills.*

[9: 1186]

(Chiếc váy này cũ rích).

Các thành ngữ so sánh ngoài nghĩa thông thường còn có sắc thái bình giá, cảm xúc. Chẳng hạn, trong câu (18), “as like as two peas” (giống nhau như hai giọt nước- rất giống) biểu hiện sự đánh giá tích cực của người nói đối với sự giống nhau của các ngôi nhà. Trong câu (19), “as old as the hills” (xưa như trái đất - rất xưa, rất cũ) hàm ý rằng người nói không mận mà gì với bộ áo váy đó.

Cũng như câu so sánh thông thường chứa “as ... as”, từ “as” thứ nhất đôi khi cũng được lược đi.

(20) *That little affair of your father- in-law and your aunt Irene Van - it's old as the hills - making a fuss.*

[1: 326]

(Van ạ, chuyện của bố vợ cậu và cô Irene của cậu ấy mà, chuyên xưa như trái đất rồi, lại đang gây ra một sự ồn ào đấy).

Có thể mô hình hoá cấu trúc tổng quát của *CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh tiếng Anh như sau:*

*X as + tính từ/ trạng từ + as Y*

Trong đó, X là sự vật được so sánh, Y là sự vật chuẩn để so sánh thuộc một phạm trù khác với X. Giữa X và Y có sự tương đồng về một thuộc tính nào đó. Tính từ hay trạng từ trong cấu trúc biểu hiện thuộc tính của X hay của hành động. Đa số động từ trong nhóm này là động từ “*to be*” (là).

Đến nay, chưa có một thống kê chính xác nào về số lượng *CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh* trong tiếng Anh. Khi thực hiện bài viết này, tác giả đã tập hợp được khoảng 420 đơn vị *CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh*. Qua phân tích, chúng tôi nhận thấy những cấu trúc thành ngữ có thực thể so sánh thứ hai thuộc về phạm trù sinh vật (living things) kể cả con người là 167/420, chiếm 40%, trong đó liên quan đến con người là 20/420, chiếm 4,76%, số còn lại là các con vật (147/420), chiếm 35,24%. Những cấu trúc thành ngữ có chuẩn so sánh thuộc về phạm trù bất động vật (non-animated things), các hiện tượng tự nhiên, đồ vật, các vật thể vật chất... là 252/420, chiếm 60%.

Thành ngữ nói chung và thành ngữ so sánh nói riêng là sản phẩm của quần chúng. Nó phản ánh cách nói cách nhìn rất dân gian, mộc mạc, giản dị nhưng lại gợi tả những hình tượng, điển hình, đậm đà màu sắc dân tộc. Trong thực tế, quy luật liên tưởng dẫn đến mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng, con vật nhất định với những đặc điểm, thuộc tính nào đó, theo Nguyễn Thuý Khanh [29, 73] là “không phải hoàn toàn giống nhau giữa các ngôn ngữ ở các dân tộc khác nhau”. Chẳng hạn, người Việt nói “*lười như hủi*” nhưng người Anh lại nói “*lười như tôm hùm*” (*as lazy as a lobster*) [8: 14].

Trong tiếng Việt, *CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh* có cấu trúc tổng quát là: *X tính từ như Y*

Trong đó:

- X là đối tượng được so sánh.
- Y là sự vật chuẩn để so sánh thuộc một phạm trù khác với X
- Tính từ biểu hiện thuộc tính của X.
- “*Như*” là từ so sánh, là chỉ tố so sánh. Đôi khi “*như*” được thay thế bằng “*tựa*”, “*hệt*”, “*tày*”, “*bằng*”,... Ví dụ:

(21) *Vừa uống vào một tí rượu mặt hắn đã đỏ như gà chọi.*

(22) *Áo chàng đỏ tựa ráng pha.*  
(Chinh phụ ngâm)

(23) *Đã phạm tội tày đình mà còn chưa biết thân à?*

(24) *Hắn ta có thói quen rất xấu là việc bé bằng con kiến mà cứ xé to ra.*

Tuy vậy, tùy thuộc vào tình huống giao tiếp cụ thể, thành tố “X” và “tính từ” có thể vắng mặt, ví dụ, “*công như công dã tràng*” (vắng “tính từ”), “*buồn như châu chấu*” (vắng “X”), “*như cá trên thớt*” (vắng cả “X” lẫn “tính từ”).

Về tính phổ biến của các từ so sánh này, theo Vũ Đức Nghiệu [6, 158] “*từ so sánh trong thành ngữ so sánh phổ biến trong tiếng Việt là từ “như”, còn những từ so sánh, chẳng hạn, “tựa”, “tựa như”, “như thể”, “bằng”, “tày”... chỉ xuất hiện rất ít ỏi*”.

### 3. Kết luận

Tóm lại, từ những phân tích so sánh giữa *CTTNC AS...AS* tiếng Anh và cái tương đương trong tiếng Việt ở phần trên có thể rút ra một số kết luận như sau:

- Không phải cấu trúc nào chứa cặp tương liên “*AS...AS*” đều là các cấu trúc so sánh ngang bằng.
- *CTTNC AS...AS không mang nghĩa so sánh trong tiếng Anh* là những cách diễn đạt mang tính thành ngữ rất cao không thể tùy

tiện dịch sang tiếng Việt bằng cách ghép nghĩa của các từ riêng lẻ trong cấu trúc lại với nhau. Việc sử dụng các cấu trúc này trong giao tiếp làm tăng tính mạch lạc cho diễn ngôn.

- *CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh* trong tiếng Việt phong phú, đa dạng hơn *CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh* trong tiếng Anh về các biến thể của từ, cấu trúc cơ bản ban đầu và về phương tiện thể hiện so sánh. Trong lúc *CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh* tiếng Anh chỉ có cặp tương liên “as ... as...” thì *CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh* tiếng Việt có hàng loạt từ so sánh: “như”, “bằng”, “tày”, “hết”, “tựa”, “như là”...

- Việc dịch một *CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh* từ tiếng Anh sang tiếng Việt đòi hỏi người dịch phải chú ý đến những sự khác biệt về đặc trưng văn hoá và tư duy, đồng thời lại phải có sự cảm nhận ngôn ngữ rất tinh tế để có thể tìm được sự biểu đạt tương đương, vừa thể hiện được ý nghĩa của thành ngữ gốc vừa có thể chấp nhận được trong ngôn ngữ đích. Ví dụ, khi dịch *CTTNC AS...AS mang nghĩa so sánh* trong tiếng Anh “as strong as a horse” ra tiếng Việt, người dịch cần nắm rõ đặc trưng tư duy-văn hoá của người Anh và người Việt. Đối với người Anh “ngựa” (horse) là con vật tượng trưng cho sức mạnh (tiếng Anh có từ “sức ngựa” để chỉ đơn vị đo công suất của máy móc). Người Việt Nam không cho con ngựa là biểu trưng của sức mạnh mà phải là *con trâu*. Vì vậy, cấu trúc thành ngữ trên của người Anh sẽ trở thành “*mạnh như trâu*” trong tiếng Việt chứ người dịch không thể máy móc chuyển thành “*mạnh như ngựa*” được.

#### Tài liệu tham khảo

##### Tài liệu

1. Aleschina, A.I. (1980), *A concise dictionary of Russian - English and English - Russian phraseological units*, Minsk.

2. Chu Xuân Nguyên (1979), *Ngữ pháp tiếng Anh*, Nxb Đại học & THCN, Hà Nội.

3. Hornby, A.S. (2003), *Oxford advanced learner's dictionary*, Oxford University Press.

4. Lưu Quý Khương (2003), *Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Lưu Quý Khương (2005), “*Khảo sát thành ngữ so sánh ngang bằng trong tiếng Anh và tiếng Việt*”, *Ngữ học trẻ 2004*, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Hà Nội, tr.193-197.

6. Lưu Quý Khương (2009), *Nghiên cứu cú pháp - ngữ nghĩa của các phương tiện biểu hiện ý nghĩa so sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Đà Nẵng.

7. Mai Ngọc Chừ, Hoàng Trọng Phiến, Vũ Đức Nghiệu (1997), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

8. Nandy, M. (2001), *Similes & metaphors*, Ho Chi Minh City Publishers.

9. Viện ngôn ngữ (1997), *Từ điển Anh Việt*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

#### Nguồn dẫn chứng

10. Grisham, John (2000), *The brethen*, Arrow Books.

11. London, J. (1994), *Love of life - Selected American Short Stories* (Đắc Lê dịch), Nxb Thế giới, Hà Nội.

12. Nguyễn Thị Ái Nguyệt, Cát Tiên (dịch Anh-Việt) (1995), *20 truyện ngắn Anh - Việt*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Quirk, R.; Startvik, J. (1984), *A corpus of English conversation*, Longman.

14. Segal, E. (2000), *Love story* (Hoàng Cương, Bích Thủy dịch: *Chuyện tình*), Nxb Thanh niên, Hà Nội.

15. Wilder, O. (1998), *An ideal husband*, Arrow Books.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 04-03-2011)